| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐỒNG PHÚ**<br>**TỈNH BÌNH PHƯỚC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 28/2018/QĐST - DS | *Đồng Phú, ngày 23 tháng 10 năm 2018* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 10 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 15/2018/TLST- DS ngày 26 tháng 02 năm 2018.

## XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*Nguyên đơn*: Ông Viên Đình V, sinh năm 1966

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966

Cùng địa chỉ: Thôn Phú C, xã Ph, huyện P, tỉnh B. Ủy quyền cho ông Tạ Duy V1, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số 1254, đường Phú R, phường T, thị xã Đ, tỉnh B

*Bị đơn:* Ông Phạm Công N, sinh năm 1971

Đia chỉ: Khu phố B, phường T, thị xã Đ, tỉnh B. Ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1977

Bà Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1977

Đia chỉ: Khu phố B, phường T, thị xã Đ, tỉnh B.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

- Công ty TNHHMTV Thủy Tin - Đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thị Thủy T – Giám đốc. Trụ sở: Khu phố B, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh B.

- Công ty Cổ phần khu Công nghiệp B

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh B

Đại diện theo pháp luật là ông Lê Đằng P, chức vụ: Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền ông Đoàn Quang T, chức vụ: Thư ký công ty.

-Văn Phòng Công chứng số 1. Đại diện theo pháp luật là ông Vũ Thế Q, chức vụ Trưởng Phòng. Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường, thị xã Đ, tỉnh B.

**2.** Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Nguyên đơn ông Viên Đình V và bà Nguyễn Thị H, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Tạ Duy V, bị đơn bà Nguyễn Thị Thủy T, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Công N và là người đại diện theo pháp luật của công ty TNHH MTV Thủy T thống nhất thỏa thuận hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác lập giữa ông Viên Đình V, bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Công N, bà Nguyễn Thị Thủy T vào ngày 25/5/2015 và ngày 26/5/2015.

- Trong thời hạn 05 tháng, tính từ ngày 16/10/2018, bà Nguyễn Thị Thủy T và ông Phạm Công N có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Viên Đình V số tiền 3.200.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm triệu đồng, trong đó 1.200.000.000 đồng là tiền giá trị công trình xây dựng trên đất; 1.700.000.000 đồng là tiền đặt cọc; 300.000.000 đồng là tiền lãi)

- Khi ông Viên Đình V và bà Nguyễn Thị H nhận đủ số tiền 3.200.000.000 đồng thì ông V và bà H phải có trách nhiệm bàn giao quyền sử dụng phần đất có diện tích là 1373.78m$^2$, tọa lạc tại khu phố B, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh B (trong đó phần đất có diện tích 680.6m$^2$ được xác định theo thửa số 223, tờ bản đồ số 5,6, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số (CH) 03021/ thị trấn Tân Phú do UBND huyện Đ cấp ngày 25/6/2015 mang tên ông Phạm Công N và phần đất có diện tích 693.18m$^2$ được xác định theo lô H10, đường N5, khu công nghiệp B) cùng quyền sở hữu tài sản gắn liền với phần đất có diện tích 519m$^2$ trên đất có xây dựng nhà có cấu trúc tường xây gạch có tô trát, nền lát gạch men, trần đóng la phông, một phần nhà có gác lửng (Nhà được xây dựng theo cấu trúc nhà trọ) cho bà Nguyễn Thị Thủy T, ông Phạm Công N.

- *Về các vấn đề khác*: Các bên đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: 150.000 đồng, án phí giá ngạch là 48.000.000 đồng, các bên đương sự thống nhất bà Nguyễn Thị H, ông Viên Đình V chịu 24.075.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 30.000.000 đồng mà ông V và bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0023157, quyển số 000464 ngày 11/8/2015 của Chi cục thi hành án huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thủy T và ông Phạm Công N chịu 24.075.000 đồng. Hoàn lại cho ông Viên Đình V và bà Nguyễn Thị H số tiền 5.925.000 đồng theo biên lai thu tiền nói trên.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Hương**

***Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:***

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).